

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÁI HÒA VIỆT NAM**  
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

**MỤC LỤC**

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3-4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5-6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9-24



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Văn An	Chủ tịch
Bà Ngô Thị Hạnh	Ủy viên
Bà Hà Thị Kim Thoa	Ủy viên
Ông Lương Đức Loan	Ủy viên
Nguyễn Kim Tú	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 10/5/2011)
Ông Lê Quang Đạo	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 10/5/2011)

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Văn An	Tổng Giám đốc
Bà Ngô Thị Hạnh	Phó Tổng Giám đốc

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn An  
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 04 năm 2011



# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.  
Address: Room 3203, 32<sup>th</sup> Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.  
Tel: +84.4 222 12 891 Fax: +84.4 222 12 892 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 2805/2012/BCKT-IFC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

### Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam

Kính gửi:

**Các cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được lập ngày 20 tháng 04 năm 2012 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") từ trang 5 đến trang 24 kèm theo. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 2, Ban Tổng Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác kiểm toán của chúng tôi.

#### Cơ sở của ý kiến

Ngoại trừ những hạn chế trong phạm vi kiểm toán dưới đây, chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

#### Hạn chế trong phạm vi kiểm toán

- Số liệu tại ngày 01 tháng 01 năm 2011 là số liệu đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVA). Chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để đảm bảo tính hợp lý và giá trị của các số liệu nêu trên, theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến nhận xét về số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2011 cũng như những ảnh hưởng của các số liệu này đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.
- Chúng tôi không được tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại thời điểm lập báo cáo ngày 31 tháng 12 năm 2011. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán bổ sung cũng như các thủ tục kiểm toán thay thế, tuy nhiên chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán cần thiết để chứng minh cho sự hiện hữu và giá trị của các khoản mục này. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến nhận xét về sự hiện hữu và giá trị của các khoản mục tiền mặt, tài sản cố định, hàng tồn kho và chi phí xây dựng cơ bản dở dang cũng như ảnh hưởng của các khoản mục này tới các khoản mục khác được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.



0101  
CỔ  
TRÁCH  
KIỂM  
TƯ VẤN  
QU  
NG N

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN (Tiếp theo)

### Hạn chế trong phạm vi kiểm toán (Tiếp theo)

- Chúng tôi không được cung cấp các tài liệu pháp lý có liên quan của Công ty Cổ phần Xây dựng Thái Hòa để xem xét liệu Công ty này có phải là Công ty con của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam hay không. Báo cáo hợp tài chính nhất chưa bao gồm số liệu của Công ty Cổ phần Xây dựng Thái Hòa, theo đó chúng tôi không đưa ra ý kiến nhận xét về những ảnh hưởng của các số liệu tại báo cáo tài chính của Công ty này tới báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.
- Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cà phê An Giang (Công ty con) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã nêu ý kiến ngoại trừ khoản lãi vay ngân hàng quá hạn chưa ghi nhận đầy đủ, chưa phân loại tuổi nợ và trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến nhận xét về ảnh hưởng của việc không ghi nhận đầy đủ khoản chi phí lãi vay và trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi của Công ty cổ phần Cà phê An Giang đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thái Hòa cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

### Ý kiến ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng của hạn chế trong phạm vi kiểm toán nêu trên, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

*Thay vì không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính như sau:*

Như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, công nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 319.793.749.694 VND, lỗ lũy kế đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 218.179.589.778 VND. Các yếu tố này dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh có thể thu được trong tương lai, việc tiếp tục nhận được các đơn hàng và sự hỗ trợ tài chính của các Cổ đông. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã lên phương án để thanh toán các khoản nợ như phát hành trái phiếu chuyển đổi hoặc bán một số dự án đã triển khai, đồng thời xin gia hạn các khoản vay đến hạn để có thêm thời gian thu xếp vốn trả nợ. Bên cạnh đó, các cổ đông chính của Công ty đã cam kết sẽ tiếp tục cung cấp nguồn tài chính và các khoản tín dụng cho Công ty bất cứ khi nào cần thiết để Công ty đủ khả năng duy trì hoạt động của mình. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề không chắc chắn nêu trên.



**Trương Đức Hân**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0749/KTV

**Thay mặt và đại diện cho**  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ**  
**TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (IFC)**

Ngày 20 tháng 04 năm 2012

**Ngô Trung Dũng**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0784/KTV

771  
NG  
HIỆM  
TOÁN  
TÀI  
ĐC 1  
AI

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

**MẪU SỐ B 01 - DN/HN**  
**Đơn vị: VND**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.533.638.392.634</b>	<b>2.163.869.682.190</b>
(100=110+120+130+140+150)				
<b>I Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>8.649.498.232</b>	<b>57.093.666.094</b>
1 Tiền	111	V.1	8.649.498.232	22.395.666.094
2 Các khoản tương đương tiền	112		-	34.698.000.000
<b>II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>2.171.364.631</b>	<b>42.701.943.513</b>
1 Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	2.171.364.631	42.701.943.513
2 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>484.719.909.589</b>	<b>503.584.963.584</b>
1 Phải thu khách hàng	131		335.631.018.453	352.582.365.038
2 Trả trước cho người bán	132		110.554.895.418	74.611.625.535
3 Các khoản phải thu khác	135	V.3	82.047.102.621	76.390.973.011
4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(43.513.106.903)	-
<b>IV Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	V.4	<b>1.013.133.919.262</b>	<b>1.524.196.924.996</b>
1 Hàng tồn kho	141		1.013.133.919.262	1.524.196.924.996
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>24.963.700.920</b>	<b>36.292.184.003</b>
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.773.655.057	1.426.640.804
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.683.601.550	5.497.476.914
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.5	6.960.000	2.205.647.480
4 Tài sản ngắn hạn khác	158		20.499.484.313	27.162.418.805
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>781.233.227.270</b>	<b>861.468.037.250</b>
(200=220+250+260+269)				
<b>I Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>753.046.252.210</b>	<b>820.815.640.582</b>
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	511.599.325.187	461.536.368.684
- Nguyên giá	222		685.335.685.296	586.605.827.342
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(173.736.360.109)	(125.069.458.658)
2 Tài sản cố định vô hình	227	V.7	3.832.647.670	9.828.801.101
- Nguyên giá	228		3.935.422.590	10.181.447.370
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(102.774.920)	(352.646.269)
3 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		237.614.279.353	349.450.470.797
<b>II Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.8	<b>5.000.000</b>	<b>10.005.000.000</b>
1 Đầu tư dài hạn khác	258		5.000.000	10.005.000.000
<b>III Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>7.836.267.770</b>	<b>7.588.928.406</b>
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	6.074.827.508	5.314.386.296
2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.761.440.262	2.274.542.110
<b>IV Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		<b>20.345.707.290</b>	<b>23.058.468.262</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>2.314.871.619.904</b>	<b>3.025.337.719.440</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

**MẪU SỐ B 01 - DN/HN**  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
<b>A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>1.959.838.072.485</b>	<b>2.368.789.709.163</b>
<b>I Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.853.432.142.328</b>	<b>2.151.735.349.391</b>
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	1.499.045.326.536	1.905.519.623.004
2 Phải trả người bán	312		122.699.805.394	149.414.479.292
3 Người mua trả tiền trước	313		32.160.400.831	67.407.934.906
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	14.878.820.088	11.352.557.287
5 Phải trả người lao động	315		2.616.085.289	4.584.272.112
6 Chi phí phải trả	316	V.12	141.711.625.683	2.971.834.115
7 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.13	37.133.403.493	8.688.512.246
8 Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		3.186.675.014	1.796.136.429
<b>II Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>106.455.930.157</b>	<b>217.054.359.772</b>
1 Phải trả dài hạn người bán	331		10.200.694.757	42.169.783.372
2 Phải trả dài hạn khác	333		558.819.000	-
3 Vay và nợ dài hạn	334	V.14	95.696.416.400	174.884.576.400
<b>B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>	<b>V.15</b>	<b>378.076.576.249</b>	<b>601.392.840.534</b>
<b>I Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>378.076.576.249</b>	<b>601.392.840.534</b>
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		577.499.950.000	550.000.000.000
2 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		13.366.010.056	24.633.057.750
3 Quỹ đầu tư phát triển	417		2.683.829.163	1.024.440.553
4 Quỹ dự phòng tài chính	418		2.706.376.808	995.774.973
5 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(218.179.589.778)	24.739.567.258
<b>C LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>(23.093.028.830)</b>	<b>55.155.169.743</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)</b>	<b>440</b>		<b>2.314.871.619.904</b>	<b>3.025.337.719.440</b>

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
1 Ngoại tệ các loại			
- USD		156.058,00	1.536.629,69
- EURO		204,58	304,58
- LAK		100.892,00	1.489.265.093,00
- CNY		500,00	500,00



**Nguyễn Văn An**  
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 04 năm 2012

**Hà Thị Kim Thoa**  
Kế toán trưởng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 02 - DN/HN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm 2011	Năm 2010
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	1.358.535.528.249	2.227.469.761.960
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	3	VI.1	69.742.133.333	1.961.750
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-03)	10		1.288.793.394.916	2.227.467.800.210
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.234.897.383.370	1.896.340.054.398
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		53.896.011.546	331.127.745.812
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	46.602.039.559	41.227.116.348
7 Chi phí tài chính	22	VI.4	286.453.193.106	230.796.700.311
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		258.566.350.202	199.315.933.036
8 Chi phí bán hàng	24		18.567.979.653	36.298.133.057
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		82.178.920.779	46.206.861.187
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		(286.702.042.433)	59.053.167.605
11 Thu nhập khác	31		9.995.420.421	5.247.447.227
12 Chi phí khác	32		4.133.290.939	10.982.806.176
13 Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động khác (40=31-32)	40		5.862.129.482	(5.735.358.949)
14 Tổng lợi nhuận (lỗ) thuần trước thuế (50=30+40)	50		(280.839.912.951)	53.317.808.656
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.5	121.349.135	13.566.574.349
16 Thu nhập (chi phí) thuế thu nhập hoãn lại	52	VI.6	(1.761.440.262)	(2.274.542.110)
17 Lợi nhuận (lỗ) thuần sau thuế (60=50-51-52)	60		(279.199.821.824)	42.025.776.417
18 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số			(68.911.088.757)	7.223.849.937
19 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ			(210.288.733.067)	34.801.926.480
20 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	(3.641)	603



Nguyễn Văn An  
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 04 năm 2012

Hà Thị Kim Thoa  
Kế toán trưởng



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**MẪU SỐ B 03-DN/HN**

**Đơn vị: VND**

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011		Năm 2010	
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>					
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(280.839.912.951)		53.317.808.656	
2. Điều chỉnh cho các khoản					
Khấu hao tài sản cố định	02	52.615.462.163		54.490.576.007	
Các khoản dự phòng	03	43.513.106.903		-	
(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá	04	410.900.155		(5.133.170.786)	
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4.511.702.326)		(1.680.584.396)	
Chi phí lãi vay	06	258.566.350.202		199.315.933.036	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn	08	69.754.204.146		300.310.562.517	
(Tăng), giảm các khoản phải thu	09	36.022.427.824		194.860.524.807	
(Tăng), giảm hàng tồn kho	10	511.063.005.734		(517.689.487.778)	
Tăng, (giảm) các khoản phải trả (không bao gồm vay ngắn hạn, dài hạn phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(74.512.422.404)		59.337.150.677	
(Tăng), giảm chi phí trả trước	12	(1.107.455.465)		1.280.558.435	
Tiền lãi vay đã trả	13	(172.815.019.812)		(196.402.265.587)	
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-		(23.219.514.794)	
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	101.755.449.522		17.690.051.073	
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(224.351.672.350)		(16.105.368.673)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>245.808.517.195</b>		<b>(179.937.789.323)</b>	
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>					
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.307.576.223)		(268.449.446.019)	
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	4.574.227.682		-	
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(18.525.126.555)		(20.602.975.078)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	42.136.612.334		110.034.000.000	
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	38.000.000.000		-	
6. Lãi tiền gửi ngân hàng và cổ tức được chia	27	4.511.702.326		1.680.584.396	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>68.389.839.564</b>		<b>(177.337.836.701)</b>	
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-		200.000.000.000	
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.513.983.380.764		4.458.221.172.237	
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.876.617.827.575)		(4.298.223.615.834)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(362.634.446.811)</b>		<b>359.997.556.403</b>	
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(48.436.090.052)</b>		<b>2.721.930.379</b>	
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>57.093.666.094</b>		<b>55.223.032.649</b>	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	(8.077.810)		(851.296.935)	
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>8.649.498.232</b>		<b>57.093.666.093</b>	

Nguyễn Văn An  
Tông Giám đốc

Hà Thị Kim Thoa  
Kế toán trưởng

Ngày 20 tháng 04 năm 2012

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam (“Công ty”) được chuyển đổi từ Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Thái Hòa, theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103024767 ngày 19 tháng 5 năm 2008, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 30 tháng 8 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Tổng vốn điều lệ theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh là 550.000.000.000 đồng. Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 275-2011/THV/BB- ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 5 năm 2011, Công ty thực hiện trả cổ tức năm 2010 bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 5% mệnh giá (tương đương 27.500.000.000 đồng). Ngày giao dịch không hưởng quyền là 14/10/2011. Số cổ phiếu được phân phối là 2.749.995. Công ty chưa thực hiện việc thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau khi tăng vốn bằng lợi nhuận để lại.

Trụ sở Công ty đặt tại: Số 352, đường Giải Phóng, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Chế biến nông sản; Buôn bán hàng lương thực, thực phẩm;
- Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư phục vụ sản xuất;
- Mua bán đồ dùng cá nhân và gia đình; Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng; Kinh doanh nhà ở;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; Vận tải hàng hóa bằng ô tô;
- Đầu tư, kinh doanh khu công nghiệp, trung tâm thương mại; Kinh doanh, cho thuê kho hàng, nhà xưởng; Sản xuất và mua bán thiết bị viễn thông, thiết bị điện, điện tử, thiết bị văn phòng;
- Trồng cây cà phê, cây lâu năm, trồng rừng;
- Đào tạo, dạy nghề: trồng trọt, lâm sinh, chế biến nông, lâm, thủy hải sản, cơ khí nông nghiệp, lái xe, quản lý trang trại, ngoại ngữ, tin học văn phòng, sửa chữa ô tô, xe máy, may thêu;
- Kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Du lịch lữ hành nội địa, quốc tế và các dịch vụ du lịch khác;
- Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính);
- Tư vấn lập dự án đến nhóm B; Tư vấn lắp đặt thiết bị cho các công trình xây dựng, tư vấn về đấu thầu;
- Kiểm định chất lượng công trình xây dựng, giao thông; Thẩm định dự án đầu tư;
- Thăm tra thiết kế kỹ thuật; thăm tra thiết kế thi công và tổng dự toán đối với các công trình dân dụng và công nghiệp; Xác định, đánh giá nguyên nhân sự cố công trình và các yếu tố khác liên quan để lập phương án gia cố sửa chữa;
- Nhận thầu thi công, xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình bưu điện, thông tin liên lạc, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp và khu dân cư, thi công san lấp mặt bằng, xử lý nền, móng công trình; Quản lý dự án;
- Dịch vụ cho thuê máy móc thiết bị, máy xây dựng công trình;
- Chế biến lâm sản, mộc, gỗ; Trồng cây cao su; Lập dự án đầu tư trong nông nghiệp, trồng trọt, chế biến nông, lâm sản; Kinh doanh vận chuyển hành khách bằng phương tiện ô tô;
- Thiết kế hệ thống điện công trình, công nghiệp, thiết kế đường dây và trạm biến áp đến 35KV; Thiết kế cấp thoát nước; Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp;
- Sản xuất chế biến thức ăn gia súc, gia cầm; Chăn nuôi gia súc, gia cầm, đại gia súc;
- Sản xuất phân bón các loại, phân vi sinh, NPK, chế phẩm từ chất thải nông, công nghiệp;
- Kinh doanh nước sạch và dịch vụ xử lý môi trường ; Bán buôn rượu bia (không bao gồm kinh doanh quán bar); Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật.

TRÁ  
 KII  
 TƯ  
 C  
 INC

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)**

Thông tin chi tiết về các công ty được hợp nhất như sau:

<b>Tên công ty</b>	<b>Nơi thành lập và hoạt động</b>	<b>Tỷ lệ biểu quyết</b>	<b>Tỷ lệ vốn góp</b>
Công ty mẹ Công ty Cổ phần Tập đoàn Thái Hòa	Số 352 Giải Phóng, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	100,0%	100,0%
Công ty Cổ phần Cà phê An Giang	Khu Công nghiệp Tam Phước, đường 4, xã Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	52,4%	52,4%
Công ty Cổ phần Thương mại Cà phê Thái Hòa	Tầng 12, tòa nhà Gilimex, số 24C Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Hồ Chí Minh	65,0%	68,0%
Công ty Cổ phần Cà phê Thái Hòa Lâm Đồng	Thị trấn Đình Văn, huyện Lâm Hà, Lâm Đồng, Việt Nam	51,0%	100,0%
Công ty Cổ phần Thái Hòa Quảng Trị	Cụm Công nghiệp, thị trấn Lao Bảo, huyện Hương Hóa, tỉnh Quảng Trị, Việt Nam	51,0%	100,0%
Công ty Cổ phần Cà phê Thái Hòa Sơn La	Xã Chiềng Mung, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La	51,0%	99,5%
Công ty Cổ phần Cà phê Thái Hòa Mường Ảng	Khối 7, thị trấn Mường Ảng, tỉnh Điện Biên	87,5%	71,7%
Công ty TNHH MTV Thái Hòa Nghệ An	Xã Tây Hiếu, thị xã Thái Hòa, Nghệ An, Việt Nam	100,0%	100,0%
Công ty Cổ phần Cà phê Thái Hòa Hòa Bình	Xóm Xê 3, Xã Ngọc Lâu, Huyện Lạc Sơn, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam	56,7%	100,0%
Công ty Cổ phần Thái Hòa Buôn Mê Thuột	Số 153 Nguyễn Chí Thanh, thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh DakLak	51,0%	100,0%
Công ty TNHH cà phê Thái Hòa Lào	Bản Vật Luống, huyện Paksong, tỉnh Chămpasak, Lào	100,0%	100,0%
Công ty TNHH MTV Thái Ninh	Khóm 3B thị trấn Khe xanh, huyện Hướng Hóa, Quảng Trị	100,0%	100,0%
Công ty TNHH MTV Cao su Thái Hòa Lào	Bản ĐôngNaSan, huyện Noong, tỉnh SaVanNaKhet	100,0%	100,0%

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

## II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN (Tiếp theo)

### Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất (Tiếp theo)

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, công nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn là 319.793.749.694 VND (31 tháng 12 năm 2010: tài sản ngắn hạn lớn hơn nợ ngắn hạn 12.134.332.799 VND); Lỗ phát sinh trong năm là 279.199.821.824 VND (năm 2010 lãi 42.025.776.417 VND). Các yếu tố này dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh có thể thu được trong tương lai, việc tiếp tục nhận được các đơn hàng và sự hỗ trợ tài chính của các Cổ đông. Các cổ đông Công ty đã cam kết sẽ tiếp tục hỗ trợ về mặt tài chính cho đến khi Công ty có thể tạo ra được nguồn tiền để thanh toán các khoản nợ khi đáo hạn. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề không chắc chắn nêu trên.

### Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 về hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty áp dụng sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung.

## HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

## IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

### Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

712  
IG T  
EM H  
OÁN  
AI CH  
TÊ  
-TP-

#### **IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

##### **Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất các báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

##### **Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

##### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

##### **Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.



**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Năm 2011</u>
	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 20
Máy móc, thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	5 - 10
Tài sản cố định khác	3 - 8

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao***Phần mềm máy vi tính*

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 5 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản tiền và tương đương tiền, đầu tư ngắn hạn và phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán theo Thông tư số 201/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Theo đó, đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ là tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống) có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập mà để số dư trên Báo cáo tài chính hợp nhất, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư. Hướng dẫn tại Thông tư nói trên của Bộ Tài chính có sự khác biệt căn bản với những quan điểm hiện hành của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10: “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”.

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.



**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

**Thuế (Tiếp theo)**

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tập đoàn có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

**1. Tiền**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	5.055.595.543	5.611.205.342
Tiền gửi ngân hàng	3.593.902.689	16.784.460.752
<b>Cộng</b>	<b>8.649.498.232</b>	<b>22.395.666.094</b>

**2. Đầu tư ngắn hạn**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	2.000.000.000	42.691.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác	171.364.631	10.943.513
<b>Cộng</b>	<b>2.171.364.631</b>	<b>42.701.943.513</b>

(\*) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng đến dưới 1 năm tại các Ngân hàng nhằm đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09 - DN/HN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**3. Các khoản phải thu khác**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu Công ty Cổ phần Xây Dựng (mượn hàng hóa)	17.810.190.825	51.855.919.420
Phải thu Cán bộ công nhân viên	10.489.915	189.484.240
Phải thu BHXH, BHYT	572.813.010	45.593.050
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	1.521.497.008
Phải thu về thực hiện dự án UTZ	-	604.050.925
Phải thu khác	63.653.608.871	22.174.428.368
<b>Cộng</b>	<b>82.047.102.621</b>	<b>76.390.973.011</b>

**4. Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên liệu, vật liệu	13.349.692.445	99.824.676.333
Công cụ, dụng cụ	1.094.370.092	1.975.680.222
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	111.523.220.898	178.955.363.351
Thành phẩm	535.083.404.446	451.372.517.373
Hàng hoá	278.906.622.044	743.986.820.470
Hàng gửi đi bán	73.176.609.337	48.081.867.247
<b>Cộng</b>	<b>1.013.133.919.262</b>	<b>1.524.196.924.996</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<b>1.013.133.919.262</b>	<b>1.524.196.924.996</b>

**5. Thuế và các khoản phải thu nhà nước**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế Thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	6.960.000	2.205.647.480
<b>Cộng</b>	<b>6.960.000</b>	<b>2.205.647.480</b>

120  
T  
HỮU  
N  
CH  
Ê  
P

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**MẪU B 09 - DN/HN**

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**6. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Cây lâu năm VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 1/1/2011	259.820.808.272	253.366.852.917	37.377.061.223	-	36.041.104.930	586.605.827.342
Tăng trong năm	3.621.088.558	4.967.652.661	3.499.131.856	90.214.020.164	3.133.860.744	105.435.753.983
Do mua sắm mới	245.465.864	3.780.936.297	3.068.624.156	-	-	7.095.026.317
Đầu tư xây dựng cơ bản	1.223.522.094	1.186.716.364	-	90.214.020.164	3.100.688.000	95.724.946.622
hoàn thành	2.152.100.600	-	430.507.700	-	33.172.744	2.615.781.044
Tăng khác	-	3.116.061.670	3.589.834.359	-	-	6.705.896.029
<b>Giảm trong năm</b>						
Thanh lý, nhượng bán	-	3.082.888.926	3.589.834.359	-	-	6.672.723.285
Giảm khác	-	33.172.744	-	-	-	33.172.744
Tại ngày 31/12/2011	263.441.896.830	255.218.443.908	37.286.358.720	90.214.020.164	39.174.965.674	685.335.685.296
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 1/1/2011	33.680.864.896	74.336.608.195	13.568.668.921	-	3.483.316.646	125.069.458.658
Khấu hao trong năm	16.780.944.344	27.528.288.221	4.389.772.277	1.155.751.653	2.310.059.568	52.164.816.063
Thanh lý, nhượng bán	-	1.994.112.327	1.503.802.285	-	-	3.497.914.612
Tại ngày 31/12/2011	50.461.809.240	99.870.784.089	16.454.638.913	1.155.751.653	5.793.376.214	173.736.360.109
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 1/1/2011	226.139.943.376	179.030.244.722	23.808.392.302	-	32.557.788.284	461.536.368.684
Tại ngày 31/12/2011	212.980.087.590	155.347.659.819	20.831.719.807	89.058.268.511	33.381.589.460	511.599.325.187

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09 - DN/HN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**7. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Trang web VND	Biểu tượng công ty VND	TSCĐ vô hình khác VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2011	9.927.930.020	11.077.260	84.081.000	158.359.090	10.181.447.370
Tăng trong năm	900.000.000	-	-	25.000.000	925.000.000
Giảm khác	7.155.873.260	-	-	15.151.520	7.171.024.780
Tại ngày 31/12/2011	3.672.056.760	11.077.260	84.081.000	168.207.570	3.935.422.590
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2011	270.842.045	11.077.260	56.749.919	13.977.045	352.646.269
Khấu hao trong năm	432.932.214	-	3.000.000	14.713.886	450.646.100
Giảm khác	685.365.929	-	-	15.151.520	700.517.449
Tại ngày 31/12/2011	18.408.330	11.077.260	59.749.919	13.539.411	102.774.920
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2011	9.657.087.975	-	27.331.081	144.382.045	9.828.801.101
Tại ngày 31/12/2011	3.653.648.430	-	24.331.081	154.668.159	3.832.647.670

**8. Đầu tư dài hạn khác**

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Trái phiếu Chính phủ	5.000.000	5.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	-	10.000.000.000
Cộng	5.000.000	10.005.000.000

**9. Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Công cụ dụng cụ	264.733.403	3.349.338.814
Lãi mua thiết bị trả chậm	-	312.873.603
Chi phí trả trước dài hạn khác	5.810.094.105	1.652.173.879
Cộng	6.074.827.508	5.314.386.296

**10. Vay và nợ ngắn hạn**

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Vay ngắn hạn	1.382.289.926.536	1.805.519.623.004
Nợ dài hạn đến hạn trả	16.755.400.000	-
Trái phiếu chuyển đổi	100.000.000.000	100.000.000.000
Cộng	1.499.045.326.536	1.905.519.623.004

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09 - DN/HN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	9.118.122.738	6.103.707.771
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.753.284.088	5.244.797.118
Các loại thuế khác	7.413.262	4.052.398
<b>Cộng</b>	<b>14.878.820.088</b>	<b>11.352.557.287</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**12. Chi phí phải trả**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Lãi vay phải trả	141.711.625.683	2.913.667.449
Chi phí phải trả khác	-	58.166.666
<b>Cộng</b>	<b>141.711.625.683</b>	<b>2.971.834.115</b>

**13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	478.027.314	221.965.352
Bảo hiểm y tế	252.142.208	41.905.574
Phải trả ký quỹ	2.327.167.608	-
Các khoản phải trả khác	34.076.066.363	8.424.641.320
<b>Cộng</b>	<b>37.133.403.493</b>	<b>8.688.512.246</b>

**14. Vay và nợ dài hạn**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay dài hạn ngân hàng	95.696.416.400	174.884.576.400
<b>Cộng</b>	<b>95.696.416.400</b>	<b>174.884.576.400</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

MÃU B 09 - DN/HN

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**15. Vốn chủ sở hữu**

**a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại 01/01/2010	350.000.000.000	974.101.500	996.094.166	-	534.920.988	352.505.116.654
Tăng trong năm trước	200.000.000.000	1.078.217.554	1.007.732.186	24.633.057.750	34.801.926.480	261.520.933.970
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	34.801.926.480	34.801.926.480
Tăng trong năm	200.000.000.000	1.078.217.554	1.007.732.186	24.633.057.750	-	226.719.007.490
Giảm trong năm	-	1.027.878.501	1.008.051.379	-	10.597.280.210	12.633.210.090
Giảm trong năm	-	1.027.878.501	1.008.051.379	-	10.597.280.210	12.633.210.090
Số dư tại 31/12/2010	550.000.000.000	1.024.440.553	995.774.973	24.633.057.750	24.739.567.258	601.392.840.534
Tăng trong năm	27.499.950.000	1.709.950.171	1.710.601.835	2.607.383.696	(237.788.683.067)	(204.260.797.365)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	(210.288.733.067)	(210.288.733.067)
Tăng từ lợi nhuận để lại	27.499.950.000	-	-	-	(27.499.950.000)	-
Tăng do trích lập quỹ	-	1.709.950.171	1.709.950.171	-	-	3.419.900.342
Tăng khác	-	-	651.664	-	-	2.608.035.360
Giảm trong năm	-	50.561.561	-	2.607.383.696	-	2.608.035.360
Trích lập các quỹ	-	-	-	13.874.431.390	5.130.473.969	19.055.466.920
Trích lập quỹ KTPL	-	-	-	-	3.419.900.342	3.419.900.342
Giảm khác	-	50.561.561	-	-	1.710.573.627	1.710.573.627
Số dư tại 31/12/2011	577.499.950.000	2.683.829.163	2.706.376.808	13.874.431.390	(218.179.589.778)	378.076.576.249

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**15. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**b. Tình hình góp vốn điều lệ của các cổ đông**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100367361, thay đổi lần 5 ngày 30/8/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, vốn điều lệ của Công ty là 550.000.000.000 đồng. Tại ngày 31/12/2011, vốn điều lệ đã được các thành viên góp đủ như sau:

	Theo GCN ĐKKD		Vốn đã góp	
	VND	%	01/01/2011 VND	31/12/2011 VND
Ông Nguyễn Văn An	227.500.000.000	41,36%	227.500.000.000	238.874.979.318
Bà Ngô Thị Hạnh	122.150.000.000	22,21%	122.150.000.000	128.257.488.895
Các cổ đông khác	200.350.000.000	36,43%	200.350.000.000	210.367.481.787
<b>Cộng</b>	<b>550.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>550.000.000.000</b>	<b>577.499.950.000</b>

**Cổ tức**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 275-2011/THV/BB-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 5 năm 2011, Công ty thực hiện trả cổ tức năm 2010 bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 5% mệnh giá (tương đương 27.500.000.000 đồng). Ngày giao dịch không hưởng quyền là 14/10/2011. Số cổ phiếu được phân phối là 2.749.995. Công ty chưa thực hiện việc thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau khi tăng vốn bằng lợi nhuận để lại.

**Cổ phiếu**

	31/12/2011	01/01/2011
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	55.000.000	55.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông tăng thêm trong năm	2.749.995	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông hiện đang lưu hành	57.749.995	55.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.358.535.528.249	2.227.469.761.960
	<b>1.358.535.528.249</b>	<b>2.227.469.761.960</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>69.742.133.333</b>	<b>1.961.750</b>
Hàng bán bị trả lại	69.742.133.333	1.961.750
<b>Cộng</b>	<b>1.288.793.394.916</b>	<b>2.227.467.800.210</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Giá vốn của hàng bán và cung cấp dịch vụ	1.234.897.383.370	1.896.340.054.398
<b>Cộng</b>	<b>1.234.897.383.370</b>	<b>1.896.340.054.398</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.511.702.326	3.884.748.569
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.461.723.755	24.977.108.322
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.684.475.309	5.196.660.891
Lãi giao dịch thị trường tương lai	-	5.198.783.763
Lãi chuyển nhượng vốn góp	31.758.257.907	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.185.880.262	1.969.814.803
<b>Cộng</b>	<b>46.602.039.559</b>	<b>41.227.116.348</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền vay	258.566.350.202	199.315.933.036
Lỗ thị trường tương lai	-	3.786.238.935
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.050.823.600	63.490.105
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	18.758.611.477	24.966.425.210
Chi phí tài chính khác	8.077.407.827	2.664.613.025
<b>Cộng</b>	<b>286.453.193.106</b>	<b>230.796.700.311</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế	(280.839.912.951)	53.317.808.656
Trừ		
Lợi nhuận được chia từ công ty con	-	19.111.489.531
Thu nhập chịu thuế	(280.839.912.951)	34.206.319.125
Chi phí thuế TNDN hiện hành	121.349.135	13.566.574.349
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>121.349.135</b>	<b>13.566.574.349</b>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được cộng từ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của các công ty con và công ty mẹ trên các Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và công ty con, theo đó, lợi nhuận chịu thuế trên các Báo cáo tài chính riêng này không được bù trừ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty là khác nhau.

**6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(1.761.440.262)	(2.274.542.110)
<b>Cộng</b>	<b>(1.761.440.262)</b>	<b>(2.274.542.110)</b>

**7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm:

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lợi nhuận của các cổ đông của Công ty mẹ	(210.288.733.067)	34.801.926.480
Số cổ phiếu bình quân trong kỳ	57.749.995	57.749.995
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(3.641)</b>	<b>603</b>

Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân:

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	55.000.000	55.000.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu trong năm	2.749.995	2.749.995
Số lượng cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân	57.749.995	57.749.995



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU B 09 - DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**7 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Tiếp theo)**

Công ty điều chỉnh hồi tố Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ báo cáo trước do số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành tăng lên do phát hành cổ phiếu thưởng. Nếu những thay đổi đó xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm nhưng trước ngày phát hành báo cáo tài chính, số liệu được tính trên mỗi cổ phiếu của kỳ báo cáo hiện tại và mỗi kỳ báo cáo trước đó trên báo cáo tài chính được tính dựa trên số lượng cổ phiếu mới.

**VII. THÔNG TIN KHÁC**

**1. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Thương mại Cà phê Thái Hòa số 349-2011/TMTH-BB ngày 11/7/2011, các cổ đông đã ra quyết định chấm dứt hoạt động và giải thể Công ty Cổ phần Thương mại Cà phê Thái Hòa (Công ty con). Tại thời điểm kiểm toán, Công ty Cổ phần Thương mại Cà phê Thái Hòa đang thực hiện các thủ tục pháp lý có liên quan đến quá trình giải thể doanh nghiệp.

Ngày 19 tháng 4 năm 2012; Công ty Cổ phần Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam đã gửi tờ trình số 133-2012/TT-THV đến Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Thái Hòa về việc thay đổi thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát. Theo đó, Bà Ngô Thị Hạnh, Ông Lương Đức Loan, Ông Lê Quang Đạo đã xin từ nhiệm chức danh thành viên Hội đồng Quản trị; Bà Hoàng Thị Thu Dung đã xin từ nhiệm chức danh Trưởng ban kiểm soát và Ông Bùi Văn Thìn xin từ nhiệm chức danh thành viên Ban Kiểm soát.

Ngoài các sự kiện kể trên, không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

**2. Công nợ tiềm tàng**

Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Công ty đã tuân thủ theo các quy định hiện hành về thuế và hầu hết các khoản chi phí được ghi nhận đều là các chi phí hợp lý hợp lệ cho mục đích tính thuế Thu nhập doanh nghiệp. Do vậy, dự phòng thuế Thu nhập doanh nghiệp cho các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ cho mục đích tính thuế Thu nhập doanh nghiệp và các khoản nghĩa vụ phát sinh về các loại thuế khác được xác định là không trọng yếu. Tuy nhiên, dựa trên kết quả kiểm tra của cơ quan thuế, việc phát sinh thêm các khoản thuế Thu nhập doanh nghiệp và các khoản thuế phải nộp khác cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 là vẫn có thể xảy ra.

**3. Số liệu so sánh**

Số liệu đầu năm là số đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam.



Nguyễn Văn An  
Tổng Giám đốc

Hà Thị Kim Thoa  
Kế toán trưởng

Ngày 20 tháng 04 năm 2011